

Bản án số: 14/2022/HS-ST
Ngày: 27-01-2022

**NHÂN DẠH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AP, TỈNH A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn QuAg Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Văn Hăng

Ông Ngô Văn Thi

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Chúc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện AP, tỉnh A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AP, tỉnh A tham gia phiên tòa:
Ông Hồ Nguyễn Thiết Bảnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 01 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện AP, tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 107/2021/TLST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Lê Thị Thuý A, sinh năm 1986 tại AP, A; Nơi cư trú: Ấp Tân Khánh, thị trấn Long Bình, huyện AP, tỉnh A; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C1, sinh năm 1966 và bà Ngô Thị Xuân, sinh năm 1968; chồng tên Huỳnh Văn NgAg và có 01 con, sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị tạm giữ từ ngày 26/02/2021 đến ngày 08/3/2021; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/3/2021 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị T, sinh năm 1978 tại AP, A; Nơi cư trú: Ấp Tân Khánh, thị trấn Long Bình, huyện AP, tỉnh A; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Lượ và bà Nguyễn Thị Năm (đều đã chết); chồng tên Nguyễn Văn Nuôi và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2005;

tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/5/2021 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Thị Tuyết L, sinh năm 1985 tại AP, A; Nơi cư trú: Ấp Tân Khánh, thị trấn Long Bình, huyện AP, tỉnh A; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1963 và bà Huỳnh Thị Kim A, sinh năm 1965; chồng tên Phạm A Toàn và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/5/2021 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Nguyễn Văn T1 (Thọ), sinh năm: 1983; Địa chỉ: Ấp Tân Khánh, thị trấn Long Bình, huyện AP, tỉnh A.

2/ Lê Văn C, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp Tân Khánh, thị trấn Long Bình, huyện AP, tỉnh A.

3/ Hồ Văn C1, sinh năm 1969; Địa chỉ: Ấp Tân Khánh, thị trấn Long Bình, huyện AP, tỉnh A.

4/ Lê Thị T2, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp Tân Khánh, thị trấn Long Bình, huyện AP, tỉnh A.

5/ Lê Thị T3, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp Tân Khánh, thị trấn Long Bình, huyện AP, tỉnh A.

6/ Nguyễn Văn I, sinh năm 1967; Địa chỉ: Ấp Tân Khánh, thị trấn Long Bình, huyện AP, tỉnh A.

7/ Nguyễn Văn N, sinh năm 1963; Địa chỉ: Ấp Tân Khánh, thị trấn Long Bình, huyện AP, tỉnh A.

8/ Nguyễn Văn P, sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp Tân Khánh, thị trấn Long Bình, huyện AP, tỉnh A.

9/ Thái Thị M, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp Tân Khánh, thị trấn Long Bình, huyện AP, tỉnh A.

10/ Lê Thị T4, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp Tân Khánh, thị trấn Long Bình, huyện AP, tỉnh A.

(Tất cả đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 50 phút ngày 26/02/2021, sau khi nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc Lê Thị Thuý A thực hiện việc đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức bán số đề trên địa bàn, nên lực lượng Công An thị trấn Long Bình, huyện AP tiến hành làm việc với A.

Tại trụ sở Công An thị trấn Long Bình, A thú nhận việc bán số đề (số đầu A, số B, số lô, số đá) đài Vĩnh Long với tổng số T4 là 53.902.500 đồng (trong đó: Tiền bán là 8.122.500 đồng, tiền trúng thưởng là 45.790.000 đồng). Nên lực lượng tiến hành lập biên bản tiếp nhận người phạm tội đến đầu thú đối với A cùng tang vật có liên quan.

Quá trình điều tra xác định:

Khoảng tháng 02/2020, thông qua quan hệ quen biết A thỏa thuận với Thái Thị M (chủ thầu) về việc bán số đề nộp phơi hưởng “huê hồng” thì M đồng ý.

Hằng ngày, A bán số đề cho người mua dưới hình thức trực tiếp khi đi vòng quanh địa bàn nơi cư trú và liên lạc qua số điện thoại đi động “0382.564.522” của Thuý A. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, A tổng hợp phơi đề rồi gửi qua mạng xã hội Zalo cho tài khoản “Nhi” của chủ thầu. Khi kết quả xổ số kiến thiết các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long mở thưởng, thì A trực tiếp lấy tiền phơi trả. Đến trưa ngày hôm sau, A sẽ cộng tiền đã bán ngày hôm trước để tính thắng thua để gửi qua tài khoản Zalo của chủ thầu để chủ thầu đến nhà A thanh toán tiền sau đó. Số tiền huê hồng thu được bao nhiêu A không nhớ cụ thể. Tất cả số tiền trên sử dụng vào mục đích sinh hoạt trong gia đình đến hết.

Ngày 26/02/2021, Thuý A bán số đề cho Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Tuyết L, Nguyễn Văn T1 (Thọ), Lê Văn C (Thọ), Hồ Văn C1, Lê Thị T2, Lê Thị Thom, Nguyễn Văn I, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn P và một số người khác tổng cộng 8.112.500 đồng. Căn cứ theo kết quả xổ số kiến thiết đài Vĩnh Long mở thưởng thì tổng số tiền trúng thưởng là 45.790.000 đồng. Trong đó xác định số tiền mua và trúng cụ thể như sau:

- Nguyễn Thị Tuyết L tổng cộng 5.150.000 đồng (Tiền mua 170.000 đồng; tiền trúng 4.980.000 đồng)

- Nguyễn Thị T tổng cộng 9.150.000 đồng (Tiền mua 150.000 đồng; tiền trúng 9.000.000 đồng)

- Nguyễn Văn T1 tiền mua 35.000 đồng.

- Lê Văn C tiền mua 135.000 đồng.

- Hồ Văn C1 tổng cộng 550.000 đồng (Tiền mua 150.000 đồng; tiền trúng 400.000 đồng)

- Lê Thị T2 tổng cộng 415.000 đồng (Tiền mua 175.000 đồng; tiền trúng 240.000 đồng)
- Lê Thị T3 tiền mua 110.000 đồng.
- Nguyễn Văn I tiền mua 750.000 đồng.
- Nguyễn Văn N tiền mua 150.000 đồng.
- Nguyễn Văn P tổng cộng 2.280.000 đồng (Tiền mua 480.000 đồng; tiền trúng 1.800.000 đồng)
- Còn lại tổng cộng: 34.862.500 đồng (Tiền mua 5.502.500 đồng; tiền trúng 29.370.000 đồng) không xác định được cụ thể người nào tham gia.

Khoảng 16 giờ 50 ngày 26/02/2021, khi A đang đi trả tiền trúng thưởng cho người mua thì bị Công An thị trấn Long Bình, huyện AP mời về trụ sở làm việc do có liên quan đến hành vi mua bán số đề.

Ngày 26/02/2021, Lê Thị Thúy A bị khởi tố điều tra. Ngày 24/5/2021, Nguyễn Thị Tuyết L và Nguyễn Thị T bị khởi tố điều tra

Cáo trạng số 85/CT-VKSAP-HS ngày 07 tháng 12 năm 2021 truy tố Lê Thị Thúy A, Nguyễn Thị Tuyết L và Nguyễn Thị T về tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Thị Thúy A, Nguyễn Thị Tuyết L và Nguyễn Thị T khai nhận hành vi phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vật chứng thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Bị cáo A khai: Trong ngày 26/02/2021 đã bán được tổng cộng 18.122.500 đồng theo các phôi đề gồm số đầu 2 con, số lô, số đá. Buổi chiều cùng ngày bị cáo đem theo 23.405.000 đồng để chung số cho người trúng thì bị Công An thị trấn Long Bình mời về làm việc. Tại đây bị cáo đầu thú và giao nộp số tiền 23.405.000 đồng, sau đó đã tự nguyện giao nộp thêm 18.122.500 đồng tiền bán số theo phôi đề. Số tiền 23.405.000 đồng là tiền riêng của bị cáo và tiền mượn của em gái bị cáo, mục đích là ứng trước để chung chi cho người mua số trúng nhưng chưa thực hiện được.

Các bị cáo T, L khai nhận phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, cho biết chưa nhận tiền trúng thưởng và đã chủ động nộp lại số tiền mua số.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về các vật chứng thu giữ trong vụ án.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Lê Thị Thúy A, Nguyễn Thị T Nguyễn Thị Tuyết L cùng phạm tội “*Đánh bạc*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 36 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Lê Thị Thúy A từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 09 ngày bị tạm giữ cho bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tuyết L từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định, cụ thể:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

- Các điện thoại di động của bị cáo, người tham gia đánh bạc đã bị thu giữ.

- Tiền Việt Nam: trong đó: A giao nộp 18.725.000 đồng, T giao nộp 150.000 đồng, L giao nộp 170.000 đồng; những người chơi giao Nguyễn Văn T1 nộp 35.000 đồng, Nguyễn Văn P nộp 480.000 đồng, Nguyễn Văn N nộp 150.000 đồng, Lê Thị T2 nộp 175.000 đồng, Hồ Văn C1 nộp 150.000 đồng, Lê Văn C nộp 135.000 đồng, Lê Thị T3 nộp 110.000 đồng, Nguyễn Văn I nộp 750.000 đồng.

Trả lại cho bà Thái Thị M 01 điện thoại di động do không liên quan việc phạm tội.

Trả lại cho bị cáo A số tiền: 23.405.000 đồng.

Các bị cáo phải chịu án phí.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thái độ ăn năn hối hận, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trAh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng họ đã có lời khai tại Cơ quan điều tra được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Xét việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử, nên Hội đồng

xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công An huyện AP, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện AP, tỉnh A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Xét hành vi của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị Thúy A thừa nhận đã có hành vi bán số đề theo kết quả xổ số kiến thiết các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long để hưởng huê hồng. Bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội từ tháng 02/2020 đến ngày bị bắt quả tang. Bị cáo T và L thừa nhận vào ngày 26/02/2021 đã có hành vi mua số đề hình thức số đầu 02 con, số lô theo kết quả xổ số kiến thiết đài Vĩnh Long và trúng thưởng, cụ thể: T trúng 9.000.000 đồng, L trúng 4.980.000 đồng nhưng chưa nhận tiền.

Do vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đã phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Xét về tính chất của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như vai trò của từng bị cáo thì thấy như sau:

Đánh bạc là một trong những tệ nạn trong xã hội, nó không những làm cho người tham gia bỏ bê lao động, sản xuất, chỉ trông chờ vào vận may, gây xáo trộn hoạt động bình thường trong cộng đồng dân cư mà còn kéo theo những tệ nạn khác. Do vậy, pháp luật hình sự nước ta đã quy định hành vi đánh bạc là tội phạm và những người ghi bán số đề, bán cá cược bóng đá để được hưởng hoa hồng của chủ thầu cũng như những người tham gia đều phạm vào tội đánh bạc được quy định tại điều 321 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo A, T và L đều là những người có đầy đủ nhận thức, biết pháp luật nghiêm cấm hành vi đánh bạc dưới mọi hình thức, trong đó có việc mua, bán số đề nhưng với ý thức háms lợi các bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm pháp. Qua đó cũng cho thấy các bị cáo là người xem thường pháp luật, bất chấp hậu quả. Do vậy, khi lượng hình phải xử phạt các bị cáo một hình phạt nghiêm để răn đe. Mặc dù bị truy tố về cùng một tội phạm, tuy nhiên qua xem xét thì đây là vụ án không có yếu tố đồng phạm, hành vi phạm tội của các bị cáo không liên quan với nhau mà vai trò của từng bị cáo được thể hiện cụ thể như sau:

Trong vụ án này, bị cáo Thúy A là người trực tiếp bán số đề cho nhiều người nên phải có mức án cao hơn các bị cáo T, L mới thỏa đáng. Bởi lẽ, chính bị cáo là

người chủ động chuẩn bị các phương tiện để thực hiện tội phạm như giấy, viết, điện thoại có chức năng ghi âm, ghi hình và sử dụng mạng xã hội Zalo để thực hiện việc giao phối cho “chủ thầu”. Tuy nhiên cũng xem xét bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân chưa có tiền án tiền sự; bị cáo đầu thú và chủ động nộp lại khoản tiền thu lợi bất chính để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với các bị cáo T, Tuyết L: Chỉ tham gia mua số đề để được hưởng tiền thắng cược; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân chưa có tiền án, tiền sự. Do vậy xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[5] Về hình phạt: Xét thấy các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian tại ngoại các bị cáo chấp hành tốt chủ trương, chính sách của địa phương, không phạm tội mới nên nghĩ không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội cũng đủ răn đe, giáo dục các bị cáo. Riêng đối với bị cáo T, bị cáo L, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính cũng đã đủ sức răn đe các bị cáo và có tính giáo dục, phòng ngừa chung.

Lẽ ra các bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền, tuy nhiên xét thấy hoàn cảnh kinh tế các bị cáo khó khăn nên không áp dụng.

[6] Từ những phân tích nêu trên, có đủ cơ sở kết luận Cáo trạng Viện kiểm sát và luận tội của Kiểm sát viên truy tố các bị cáo Lê Thị Thúy A, Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị Tuyết L phạm tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và đề nghị mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội mà hành vi các bị cáo thực hiện, đồng thời đảm bảo tính giáo dục, phòng ngừa chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đối với:

- Thái Thị M, theo bị cáo A khai nhận là “chủ thầu” nhưng M không thừa nhận và ngoài lời khai của A thì không có chứng cứ nào khác để chứng minh, nên chưa đủ căn cứ để quy kết. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công An huyện AP không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với M về hành vi này là có căn cứ.

- Các đối tượng mua số đề (ngoài những người đã xác định được cụ thể) của Lê Thị Thúy A do không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể nên chưa có cơ sở xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công An huyện AP sẽ tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

- Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn N, Lê Thị T2, Hồ Văn C1, Lê Văn C, Lê Thị T3, Nguyễn Văn I tham gia đánh bạc là vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Nên, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công An huyện AP xử phạt hành chính là phù hợp quy định pháp luật.

[8] Về xử lý vật chứng:

Tích thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với số tiền bị cáo A giao nộp 18.725.000 đồng, T giao nộp 150.000 đồng, L giao nộp 170.000 đồng; những người chơi: Nguyễn Văn T1 nộp 35.000 đồng, Nguyễn Văn P nộp 480.000 đồng, Nguyễn Văn N nộp 150.000 đồng, Lê Thị T2 nộp 175.000 đồng, Hồ Văn C1 nộp 150.000 đồng, Lê Văn C nộp 135.000 đồng, Lê Thị T3 nộp 110.000 đồng, Nguyễn Văn I nộp 750.000 đồng.

Tích thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với: Các điện thoại di động sử dụng vào mục đích đánh bạc của bị cáo Thúy A, T, Tuyết L và người tham gia đánh bạc là các ông, bà N, C, T2, Thơm, C1, T1, I (theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công An huyện AP với Chi cục Thi hành án dân sự huyện AP ngày 17/12/2021).

Trả lại cho bà Thái Thị M: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA N1280, số IMEI 354629050125069, đã qua sử dụng, bên trong có 01 thẻ sim do không liên quan đến việc phạm tội.

Trả lại cho bị cáo A số tiền 23.405.000 đồng do không liên quan đến việc phạm tội.

[9] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 36 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Thị Thúy A, Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị Tuyết L cùng phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Thúy A 02 năm cải tạo không giam giữ (có khẩu trừ thời gian bị tạm giữ là 09 ngày).

Trong thời gian chấp hành án, bị cáo còn phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ. Miễn việc khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo.

Giao bị cáo A cho Ủy ban nhân dân thị trấn Long Bình, huyện AP, tỉnh A giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T, bị cáo Nguyễn Thị Tuyết L mỗi bị cáo 20.000.000 đồng.

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

2. Xử lý vật chứng:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với số tiền bị cáo A giao nộp 18.725.000 đồng, T giao nộp 150.000 đồng, L giao nộp 170.000 đồng; những người chơi giao Nguyễn Văn T1 nộp 35.000 đồng, Nguyễn Văn P nộp 480.000 đồng, Nguyễn Văn N nộp 150.000 đồng, Lê Thị T2 nộp 175.000 đồng, Hồ Văn C1 nộp 150.000 đồng, Lê Văn C nộp 135.000 đồng, Lê Thị T3 nộp 110.000 đồng, Nguyễn Văn I nộp 750.000 đồng.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu hồng, số IMEI 1 và 2 lần lượt: 865573034898619; 865573034898601 bên trong có 01 thẻ sim, đã qua sử dụng, đã được niêm phong (của Lê Thị Thúy A).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 8 PLUS màu vàng đồng, số IMEI: 356733085695860, bên trong có 01 thẻ sim, đã qua sử dụng, đã được niêm phong (của Lê Thị Thúy A).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO 1904 màu đỏ đen, số IMEI 1 và 2 lần lượt là 1865950049866296; 865950049866288 đã qua sử dụng (của Nguyễn Thị T).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO 1801 màu vàng đồng, số IMEI 1 và 2 lần lượt là 868993037601256; 868993037601249 bên trong có 01 thẻ sim, đã qua sử dụng (của Nguyễn Thị Tuyết L).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 màu xAh, số IMEI 1 và 2 lần lượt là 357723104343450; 357723106343458 đã qua sử dụng (của Nguyễn Văn N).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 màu đen, số IMEI 1 và 2 lần lượt là 354493098949612; 354495093949612 bên trong có 02 thẻ sim, đã qua sử dụng (của Lê Văn C).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A12 màu xAh, số IMEI 1 và 2 lần lượt là 864036048598618; 864036048598600 đã qua sử dụng (của Lê Thị T2).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel màu đen, số IMEI 1 và 2 lần lượt là 355057092736629; 355057092736637 đã qua sử dụng (của Lê Thị T3).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 130 màu trắng, số IMEI 1 và 2 lần lượt là 357332088204470; 357333080204476 (của Hồ Văn C1).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 màu xanh, số IMEI 353120110113809, đã qua sử dụng (của Nguyễn Văn T1).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu APPLE IPHONE màu đen, số IMEI 3594730842592 đã qua sử dụng (của Nguyễn Văn I).

Trả lại cho bị cáo A số tiền: 23.405.000 đồng.

Trả lại cho Thái Thị M: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA N1280, số IMEI 354629050125069, đã qua sử dụng, bên trong có 01 thẻ sim.

(Tất cả vật chứng nêu trên hiện do cơ quan Thi hành án dân sự huyện AP quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/12/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công An huyện AP và Chi cục Thi hành án dân sự huyện AP)

Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án;

3. Về án phí: Buộc các bị cáo Lê Thị Thúy A, Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị Tuyết L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

4. Về quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo của bị cáo, của người tham gia tố tụng có mặt hoặc đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi tuyên án là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh A xét xử phúc thẩm.

*** Nơi nhân:**

- Những người tham gia tố tụng;
- CA, VKS huyện AP;
- Tòa án, VKS tỉnh AG;
- Sở TP AG;
- THA DS H.AP;
- Cơ quan THA HS;
- UBND thị trấn Long Bình;
- Lưu HS – VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn QuAg Bảo